

**Biểu 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH 2021 - 2030 CỦA
HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
T	TỔNG			19.120,87
A	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP		16.835,74
I	Đất trồng lúa	LUA		729,00
1	Quy hoạch đất lúa 2 vụ	LUC	Xã Buôn Choah	10,00
2	Quy hoạch Vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao	'LUC	Xã Buôn Choah	539,00
3	Quy hoạch đất lúa 2 vụ	LUC	Xã Nam N'Đir	150,00
4	Quy hoạch đất lúa 1 vụ	LUK	Xã Nam N'Đir	30,00
II	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		393,23
5	Dự án trồng trọt, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao khu vực Bầu Sen, Bầu Mây	HNK	Xã Đăk Nang, xã Đức Xuyên	66,02
6	Quy hoạch Vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao	'HNK	Xã Đức Xuyên	300,00
11	Dự án trồng trọt, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao khu vực thu hồi ngập ứng thủy điện Buôn Tu Sah	'HNK	Xã Đức Xuyên	23,00
12	Dự án Sản xuất nông nghiệp xã Nam N'Đir	HNK	Xã Nam N'Đir	23,50
13	Chuyển đổi sang đất nông nghiệp	HNK	Xã Nam N'Đir	
14	Dự án sản xuất nông lâm nghiệp chăn nuôi Xã Quảng Phú	HNK	Xã Quảng Phú	74,10
15	Đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đất nông nghiệp	HNK	Các xã, thị trấn	229,61
16	Chuyển đổi nội bộ đất nông nghiệp	'HNK	Các xã, thị trấn	20,00
III	Đất trồng cây lâu năm	CLN		1.115,03
1	Dự án nông nghiệp tại xã Đăk Drô	CLN	Xã Đăk Drô	4,40
2	Quy hoạch diện tích trồng cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGap tại thôn Phú Tiến	CLN	Xã Đăk Nang	20,00
3	Quy hoạch đất trồng cây dược liệu tại khu vực Tiền Giang và thôn Phú Tiến	CLN	Xã Đăk Nang	20,00
4	Quy hoạch Vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao	CLN	Xã Nam Nung	500,00
5	Dự án phát triển cây dược liệu trên địa bàn huyện Krông Nô (Sâm cau, Đinh lăng...)	CLN	Các xã trên địa bàn huyện	500,00
6	Chuyển đổi nội bộ đất nông nghiệp	'CLN	Các xã, thị trấn	369,94
7	Đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đất nông nghiệp	'CLN	Các xã, thị trấn	29,02
8	Kê hoạch giao đất, cho thuê đất nông nghiệp theo Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đăk Nô (Về việc phê duyệt phương án tổng thể do các Công ty Nông Lâm nghiệp bàn giao về địa phương	NNP	Các xã	5.000,00
IV	Đất rừng phòng hộ	RPH		3.195,46
1	Quy hoạch đất rừng phòng hộ	RPH	Xã Buôn Choah	2.187,60
2	Quy hoạch đất rừng phòng hộ	RPH	Xã Đăk Drô	46,02
3	Quy hoạch đất rừng phòng hộ	RPH	Xã Đăk Nang	103,40
4	Quy hoạch đất rừng phòng hộ	RPH	Xã Nam Đà	645,50
5	Quy hoạch đất rừng phòng hộ	RPH	Xã Nam Nung	212,95

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
V	Đất rừng đặc dụng	RDD		227,84
1	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	RDD	Xã Buôn Choah	3,00
2	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	RDD	Xã Đăk Sôr	100,66
3	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	RDD	Xã Đức Xuyên	25,80
4	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	RDD	Xã Nam N'Đir	3,40
5	Quy hoạch đất rừng phòng hộ	RDD	Xã Nam Nung	94,97
VI	Đất rừng sản xuất	RSX		11.155,69
1	Dự án đầu tư trồng rừng sản xuất nguyên liệu của công ty TNHH Nông nghiệp MJ	RSX	Xã Nam Nung, xã Nam N'Đir	259,50
2	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RST	Xã Đăk Drô	65,54
3	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RST	Xã Đăk Nang	506,54
4	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RST	Xã Đức Xuyên	3.326,90
5	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RST	Xã Nam N'Đir	1.005,87
6	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RST	Xã Nam Nung	2.094,28
7	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RST	Xã Quảng Phú	3.586,64
8	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RST	Xã Tân Thành	251,56
9	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RST	Xã Nam Đà	58,87
10	Dự án Đầu tư Sản xuất Nông Lâm Nghiệp tại Tiểu khu 1284 xã Xã Tân Thành	RSX+ CLN	Xã Tân Thành	244,00
11	Kê hoạch giao đất, cho thuê đất thuộc quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông (Về việc phê duyệt phương án tổng thể do các Công ty Nông Lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý)	LNP	Các xã	8.200,00
VII	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		19,50
1	Đất nuôi trồng thủy sản thị trấn Đăk Mâm	NTS	Thị trấn Đăk Mâm	0,50
2	Đất nuôi trồng thủy sản xã Buôn Choah (Khu vực thôn Bình Giang)	NTS	Xã Buôn Choah	2,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản Xã Đăk Drô	NTS	Xã Đăk Drô	2,00
4	Đất nuôi trồng thủy sản Xã Đăk Nang	NTS	Xã Đăk Nang	2,50
5	Nuôi trồng thủy sản tại xã Đăk Sôr	NTS	Xã Đăk Sôr	1,00
6	Nuôi trồng thủy sản tại xã Đức Xuyên	NTS	Xã Đức Xuyên	1,00
7	Nuôi trồng thủy sản tại xã Nam Đà	NTS	Xã Nam Đà	1,00
8	Nuôi trồng thủy sản tại xã Nam Xuân	NTS	Xã Nam Xuân	2,00
9	Nuôi trồng thủy sản tại xã Nam N'Đir	NTS	Xã Nam N'Đir	1,00
10	Nuôi trồng thủy sản tại xã Nam Nung	NTS	Xã Nam Nung	2,00
11	Nuôi trồng thủy sản tại xã Quảng Phú	NTS	Xã Quảng Phú	1,50
12	Đất nuôi trồng thủy sản xã Tân Thành	NTS	Xã Tân Thành	3,00
VIII	Đất nông nghiệp khác	NKH		520,00
1	Trang trại Nông nghiệp công nghệ cao Nam Ka	'NKH	Xã Buôn Choah	48,50
2	Trang trại Nông nghiệp Du lịch Đam San	'NKH	Xã Buôn Choah	37,50
3	Khu sản xuất ứng dụng công nghệ cao	'NKH	Xã Đăk Drô	35,00
4	Quy hoạch mô hình trang trại Khu vực Tiên Giang	NKH	Xã Đăk Nang	20,00
5	Quy hoạch đất nông nghiệp khác tại các xã, thị trấn	'NKH	Các xã, thị trấn	695,00
5.1	Đất nông nghiệp khác	'NKH	Thị trấn Đăk Mâm	10,00

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
5.2	Đất nông nghiệp khác	'NKH	Xã Buôn Choah	10,00
5.3	Đất nông nghiệp khác	'NKH	Xã Đăk Drô	5,00
5.4	Đất nông nghiệp khác	'NKH	Xã Đăk Nang	100,00
5.5	Đất nông nghiệp khác	'NKH	Xã Đăk Sôr	5,00
5.6	Đất nông nghiệp khác	'NKH	Xã Đức Xuyên	50,00
5.7	Đất nông nghiệp khác	'NKH	Xã Nam Đà	10,00
5.8	Đất nông nghiệp khác	'NKH	Xã Nam Xuân	15,00
5.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	Xã Nam N'Đir	20,00
'5.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	Xã Nam Nung	20,00
'5.11	Đất nông nghiệp khác	NKH	Xã Quảng Phú	300,00
'5.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	Xã Tân Thành	150,00
B	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN		2.285,13
I	Đất quốc phòng	CQP		232,74
1	Đất quốc phòng	CQP	Xã Đăk Drô	11,00
2	Đất quốc phòng	CQP	Xã Nam Đà	3,00
3	Đất quốc phòng	CQP	Xã Nam N'Đir	5,00
4	Đất quốc phòng	CQP	Xã Nam Nung	3,00
5	Đất quốc phòng	CQP	Xã Quảng Phú	5,00
1	Đất quốc phòng	CQP	Xã Buôn Choah, xã Nam N'Đir	205,74
II	Đất an ninh	CAN		3,86
1	Mở rộng trụ sở công an huyện	CAN	Thị trấn Đăk Mâm	1,92
2	Đội Phòng cháy chữa cháy	CAN	Thị trấn Đăk Mâm	0,20
3	Công an xã Buôn Choah	CAN	Xã Buôn Choah	0,10
4	Công an xã Đăk Drô	CAN	Xã Đăk Drô	0,10
5	Công an xã Đăk Nang	CAN	Xã Đăk Nang	0,16
6	Công an xã Đăk Sôr	CAN	Xã Đăk Sôr	0,10
7	Công an xã Đức Xuyên	CAN	Xã Đức Xuyên	0,20
8	Công an xã Nam Đà	CAN	Xã Nam Đà	0,20
9	Công an xã Nam Xuân	CAN	Xã Nam Xuân	0,10
10	Công an xã Nam N'Đir	CAN	Xã Nam N'Đir	0,10
11	Công an xã Nam Nung	CAN	Xã Nam Nung	0,25
12	Công an xã Quảng Phú	CAN	Xã Quảng Phú	0,20

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
13	Công an xã Tân Thành	CAN	Xã Tân Thành	0,23
III	Đất cụm công nghiệp	SKN		25,00
1	Cụm công nghiệp huyện	SKN	Xã Đăk Drô, xã Nam Đà	25,00
IV	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		131,60
1	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông tại điểm số 8 (Núi lửa Nam Ka) và điểm số 10 (Cánh đồng lúa ven Núi lửa)	TMD	Xã Quảng Phú, xã Nam N'Đir	1,30
2	Chuyển mục đích trụ sở ban chỉ huy quân sự cũ sang đất thương mại dịch vụ	TMD	Thị trấn Đăk Mâm	2,04
3	Đất thương mại dịch vụ tại Ba Bon	TMD	Thị trấn Đăk Mâm	1,90
4	Khu dịch vụ nghỉ dưỡng và trung tâm thương mại	TMD	Thị trấn Đăk Mâm	2,40
5	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Thị trấn Đăk Mâm	3,00
6	Điểm dừng nghỉ và bãi đỗ xe cho khách đi vào miệng núi lửa Chư B'luk	TMD	Xã Buôn Choah	1,00
7	Chòi thông tin và điểm dừng chân cho khách đi vào miệng núi lửa Chư B'luk	TMD	Xã Buôn Choah	0,30
8	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Buôn Choah	2,00
9	Đất thương mại dịch vụ thôn Ea Snô	TMD	Xã Đăk Drô	0,90
10	Đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Đăk Drô	2,00
11	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Đăk Nang	1,40
12	Đất thương mại dịch vụ tại Thôn Đức Lập (Giáp bờ sông)	TMD	Xã Đăk Sôr	0,40
13	Chuyển mục đích đất trụ sở của lâm trường Đức Lập qua đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Đăk Sôr	0,83
14	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (khu rừng trồng trước cổng thác)	TMD	Xã Đăk Sôr	1,00
15	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Đăk Sôr	2,00
16	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Đức Xuyên	3,00
17	Đất làm lối đi bộ chòi quan sát, bãi đỗ xe khu vực Hang C7	TMD	Xã Nam Đà	0,20
18	Trạm thông tin du lịch, bãi để xe, dịch vụ ăn uống	TMD	Xã Nam Đà	0,20
19	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Nam Đà	4,50
20	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Nam Xuân	3,00
21	Mở rộng điểm dừng chân quan sát di sản dãy núi và đầu bằng tại xã Nam N'Đir	TMD	Xã Nam N'Đir	0,05
22	Điểm dừng chân quan sát di sản Đầm Sen xã Nam	TMD	Xã Nam N'Đir	0,05
22	Đất thương mại, dịch vụ, du lịch phục vụ mô hình du lịch cộng đồng tại xã Nam N'Đir	TMD	Xã Nam N'Đir	5,00
23	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Nam N'Đir	4,00
24	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Nam Nung	4,00
25	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (gần núi lửa Nam Kar)	TMD	Xã Quảng Phú	6,63
26	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Quảng Phú	5,00

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
27	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	Xã Tân Thành	5,00
28	Đất thương mại, dịch vụ phục vụ cho các Khu du lịch trên địa bàn huyện	'TMD	Các xã, thị trấn	67,50
28.1	Đất thương mại dịch vụ (Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Ea Snô)	TMD	Xã Đăk Drô	8,00
28.2	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Buôn K62	TMD	Xã Đăk Drô	3,50
28.3	Quy hoạch điểm du lịch sinh thái tại Hồ Đăk Nang	TMD	Xã Đăk Nang	5,00
28.4	Khai thác du lịch từ núi nửa, hang động (Hang núi nửa C6.1; dự kiến kêu gọi đầu tư)	TMD	Xã Đăk Sôr	5,00
28.5	Khu du lịch sinh thái suối nước trong	TMD	Xã Nam Đà	8,00
28.6	Đất thương mại dịch vụ (Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Ea Snô)	TMD	Xã Nâm N'Dir	5,00
28.7	Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan khu cánh đồng 24 xã Nâm N'Dir	TMD	Xã Nâm N'Dir	10,50
28.8	Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan Hồ sen Km 34 xã Nâm N'Dir	TMD	Xã Nâm N'Dir	2,50
28.9	Dự án Highland Lotus	TMD	Xã Nâm N'Dir	2,00
28.1	Khu du lịch sinh thái hồ thủy điện Buôn Tua Srah	TMD	Xã Quảng Phú	15,00
28.1	Đất phục vụ du lịch đèo 52 (Núi lửa Nam Kar)	TMD	Xã Quảng Phú	3,00
V	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		57,66
1	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Thị trấn Đăk Mâm	2,00
2	Nhà máy sản xuất lúa gạo	SKC	Xã Buôn Choah	1,70
3	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Buôn Choah	4,50
4	Nhà máy phân vi sinh Xã Đăk Drô	SKC	Xã Đăk Drô	2,00
6	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Đăk Drô	1,00
5	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Đăk Nang	1,00
7	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Đăk Sôr	1,00
8	Lò giết mổ gia súc	SKC	Xã Đức Xuyên	0,10
9	Đất xây dựng Nhà kho, sân phơi	SKC	Xã Đức Xuyên	0,10
10	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Đức Xuyên	1,85
11	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Nam Đà	2,00
12	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Nam Xuân	1,50
13	Khu tiêu thụ công nghiệp	SKC	Xã Nâm N'Dir	10,00
14	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Nâm N'Dir	1,50
15	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Nâm Nung	3,00
16	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng: Gạch ngói không nung	SKC	Xã Quảng Phú	10,00
17	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Quảng Phú	4,00
18	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Xã Tân Thành	10,00

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
VI	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		81,36
1	Mỏ than bùn Bầu Min	SKS	Xã Nam N'Đir	39,80
2	Mỏ than bùn Eaxanô, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô	SKS	Xã Đăk Drô	14,00
3	Mỏ than bùn Đăk Nang	SKS	Xã Đăk Nang	10,00
4	Mỏ than bùn Đức Xuyên (quy mô 35 ha)	SKS	Xã Đức Xuyên	17,56
VII	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		230,19
1	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Thị trấn Đăk Mâm	3,00
2	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Buôn Choah	15,60
3	Bãi tập kết, kinh doanh cát	SKX	Xã Buôn Choah	1,80
4	Mỏ cát thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	'SKX	Xã Buôn Choah	6,50
5	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Đăk Drô	5,60
6	Bãi tập kết và kinh doanh cát	SKX	Xã Đăk Drô	4,50
6	Bãi tập kết và kinh doanh cát	SKX	Xã Đăk Nang	1,65
7	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Đăk Nang	12,50
8	Bãi đồ vật liệu xây dựng	SKX	Xã Đăk Nang	0,60
9	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng thôn Quảng Đà	SKX	Xã Đăk Sôr	2,00
10	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Đức Xuyên	3,50
10	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Nam Đà	3,72
10	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Nam Xuân	19,00
11	Bãi vật liệu xây dựng thôn Sơn Hà	SKX	Xã Nam Xuân	3,00
12	Mỏ đá bazan thôn Lương Sơn	SKX	Xã Nam Xuân	8,20
13	Bãi cát xã Nam N'Đir	SKX	Xã Nam N'Đir	0,90
14	Bãi vật liệu xây dựng thôn Sơn Hà	SKX	Xã Nam N'Đir	0,20
14	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Nam N'Đir	10,00
15	Mỏ đá bazan Bon Jók Du, xã Nam Nung	SKX	Xã Nam Nung	15,00
16	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Nam Nung	1,30
17	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	Xã Quảng Phú	6,00
18	Mỏ cát xây dựng tại xã Quảng Phú	SKX	Xã Quảng Phú	3,65
19	Mỏ đá Bazan Đèo 52 xã Quảng Phú	SKX	Xã Quảng Phú	4,41
20	Mỏ đá bazan thôn KaTăk	SKX	Xã Quảng Phú	35,00
21	Mỏ đá bazan thôn Phú Hoà	SKX	Xã Quảng Phú	4,51
22	Mỏ đá bazan thôn Phú Lợi	SKX	Xã Quảng Phú	17,50
23	Mỏ sét thôn Phú Sơn	SKX	Xã Quảng Phú	1,30
24	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Quảng Phú	13,75
25	Mỏ đá bazan thôn Đăk Lư	SKX	Xã Tân Thành	10,00

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
26	Mỏ đá bazan Tân Thành	SKX	Xã Tân Thành	19,00
27	Mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng	SKX	Xã Tân Thành	3,00
VIII	Đất phát triển hạ tầng	DHT		1.243,42
8.1	Đất giao thông	DGT		385,40
1	Đường Hồ Chí Minh	DGT	Xã Đắc Sôr, xã Nam Đà, xã Nam Xuân, xã Tân Thành	130,00
2	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 28	DGT	Xã Đắc Sôr, xã Nam Đà, Thị trấn Đắc Mâm, xã Đắc D्रो, xã Nam N'Đir, xã Đức Xuyên, xã Đắc Nang, xã Quảng Phú	39,24
3	Nâng cấp Tỉnh lộ 3	DGT	Thị trấn Đắc Mâm, xã Nam Xuân	20,70
4	Xây dựng tuyến giao thông trục ngang từ xã Quảng Phú đi huyện Đắc Song	DGT	Xã Đắc Nang, xã Đức Xuyên, xã Nam N'Đir, xã Nam Nung, Xã Quảng Phú	37,10
5	Đường giao thông xã Đắc Drô đi xã Nam Nung	DGT	Xã Đắc Drô, Xã Nam Nung	0,30
6	Đường giao thông xã Nam Đà đi xã Đắc Drô	DGT	Xã Đắc Drô, xã Nam Đà	2,20
7	Đường giao thông từ xã Đắc Drô đi xã Tân Thành	DGT	Xã Đắc Drô, xã Tân Thành	2,50
8	Đường giao thông từ xã Tân Thành đi xã Nam Nung	DGT	Xã Nam Nung, xã Tân Thành	2,50
9	Đường giao thông từ Thị trấn Đắc Mâm đi xã Nam Nung và xã Nam N'Đir	DGT	Thị trấn Đắc Mâm, xã Nam N'Đir, xã Nam Nung, xã Tân Thành	8,30

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
10	Dự án Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	DGT	Thị trấn Đăk Mâm, xã Nam Đà	6,36
11	Đường giao thông từ Đăk Drô đi Năm N'Đir (qua Hồ Exa Nô)	DGT	Xã Đăk Drô, xã Năm N'Đir	3,50
12	Đường giao thông từ Năm Nung đi Đăk Mol (quy hoạch trục ngang 3)	DGT	Xã Năm Nung, xã Tân Thành	9,60
13	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 đi xã Buôn Choah (ĐH 58)	DGT	Xã Đăk Drô, xã Nam Đà, xã Buôn Choah	11,10
14	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô	DGT	Thị trấn Đăk Mâm	8,40
15	Xây dựng các tuyến giao thông nội thị	DGT	Thị trấn Đăk Mâm	4,00
16	Mở mới tuyến giao thông từ đường tránh lũ đến trường Nguyễn Viết Xuân	DGT	Xã Buôn Choah	1,00
17	Mở mới tuyến giao thông từ khu trung tâm xã đến thôn Bình Giang (Tuyến lô 2 đi sau khu dân cư hiện hữu)	DGT	Xã Buôn Choah	1,50
18	Nâng cấp tuyến giao thông từ Buôn Choah đi Buôn Trấp	DGT	Xã Buôn Choah	2,00
19	Mở rộng tuyến giao thông từ khu trung tâm xã đến thôn Bình Giang	DGT	Xã Buôn Choah	2,60
20	Xây dựng các tuyến giao thông trong trung tâm xã	DGT	Xã Buôn Choah	2,00
21	Mở mới tuyến giao thông tránh lũ số 2	DGT	Xã Buôn Choah	1,30
22	Mở rộng đường giao thông dọc bờ sông Krông Nô	DGT	Xã Buôn Choah	1,88
23	Nâng cấp tuyến giao thông thôn Đăk Tâm đi xã Năm N'Đir	DGT	Xã Đăk Drô	1,00
24	Đất giao thông trong khu trung tâm xã	DGT	Xã Đăk Nang	5,00
25	Quy hoạch các tuyến đường giao thông trên địa bàn	DGT	Xã Đăk Nang	1,09
26	Đường vào khu vực di dân cư tự do xã Đăk Nang - xã Quảng Phú huyện Krông Nô	DGT	Xã Đăk Nang	5,00
27	Mở rộng các tuyến đường trong khu dân cư thôn	DGT	Xã Đăk Nang	1,00
28	Mở rộng đường trục thôn (9,3km)	DGT	Xã Đăk Sôr	1,00
29	Mở rộng các tuyến giao thông liên gia, xóm (8,0km)	DGT	Xã Đăk Sôr	0,80
30	Mở rộng các tuyến giao thông nội đồng	DGT	Xã Đăk Sôr	1,50
31	Đường từ khu vực nhà ông Phụng ra Quốc lộ 28 (Đối diện UBND Xã)	DGT	Xã Đức Xuyên	0,35
32	Đường từ khu vực nhà ông Phụng về Bầu Sen (Qua gần khu đất ông Ngô Sinh)	DGT	Xã Đức Xuyên	0,40

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
33	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho hộ gia đình bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	DGT	Xã Đức Xuyên	5,40
34	Xây dựng các tuyến giao thông trong trung tâm xã	DGT	Xã Đức Xuyên	3,15
35	Quy hoạch các tuyến giao thông nội đồng 16,5km	DGT	Xã Đức Xuyên	1,00
36	Quy hoạch các tuyến giao thông trong Quy hoạch Trung tâm xã	DGT	Xã Nam Đà	10,00
37	Bãi đậu xe	DGT	Xã Nam Đà	0,11
36	Quy hoạch các tuyến giao thông trong xã	DGT	Xã Nam Đà	4,65
37	Đường giao thông liên huyện từ xã Nam Xuân, huyện Krông Nô đi xã Đăk Rla, huyện Đăk Ml	DGT	Xã Nam Xuân	3,50
38	Mở rộng đường giao thông Thanh Sơn - Đăk Hưng	DGT	Xã Nam Xuân	0,50
39	Mở rộng các tuyến giao thông theo các trục thôn	DGT	Xã Nam Xuân	5,00
40	Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, làm mới một số tuyến đường trên địa bàn xã	DGT	Xã Nam N'Dir	3,00
41	Mở mới các tuyến giao thông, hạ tầng trong trung	DGT	Xã Nam Nung	6,11
42	Bãi đậu xe	DGT	Xã Nam Nung	1,16
43	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ QL 28 đi xã Nam Ka (ĐH 63)	DGT	Xã Quảng Phú	5,70
44	Mở mới các tuyến giao thông tại các điểm dân cư ổn định dân di cư tự do	DGT	Xã Quảng Phú	6,00
45	Bến xe xã	DGT	Xã Quảng Phú	0,50
46	Mở rộng tỉnh lộ 4B	DGT	Xã Quảng Phú	10,00
47	Đường giao thông từ ngã ba thôn Đăk Lưu Tân Thành đi Đăk Săk (ĐH 62)	DGT	Xã Tân Thành	6,00
48	Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, làm mới một số tuyến đường trên địa bàn xã	DGT	Xã Tân Thành	7,00
8.2	Đất thủy lợi	DTL		270,43
1	Hồ chứa nước Nam Xuân (Hệ thống kênh/đường ống)	DTL	Thị trấn Đăk Mâm, xã Đăk Sôr, xã Nam Đà, xã Tân Thành	20,20
2	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán (Dự án Trạm bơm Buôn choah 2, 5; Trạm bơm Đăk Rên 1A, 2, 3, 4, 5)	DTL	Xã Buôn Choah, xã Nam N'Dir	7,25
3	Hồ Đăk Lưu	DTL	Thị trấn Đăk Mâm, xã Tân Thành	0,80
4	Cống, rãnh thoát nước từ Đài Truyền Thanh xuống đường Quang Trung và đến hệ thống cống thoát nước đường Phạm Văn Đồng (N4.1)	DTL	Thị trấn Đăk Mâm	0,40
5	Mở rộng hồ thị trấn	DTL	Thị trấn Đăk Mâm	2,25
6	Kênh tiêu Phú Lợi	DTL	Xã Đăk Nang	1,00
7	Công trình cấp nước Quảng Phú - Đăk Nang	DTL	Xã Đăk Nang	0,20

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
8	Kè chống sạt lở Đắc Nang	DTL	Xã Đắc Nang	2,50
9	Mương tiêu úng thôn Phú Tân	DTL	Xã Đắc Nang	0,30
10	Kênh tiêu Buôn Kruế	DTL	Xã Đắc Nang	2,50
11	Tuyến mương thoát úng từ trường THCS Đắc Nang dọc theo đường bê tông cạnh nhà ông Hồ Bá Hiệp chạy ra sông Krông Nô 1,3 km	DTL	Xã Đắc Nang	0,25
12	Kè suối (Mương Tiêu) Cánh Nam ra sông Krông Nô 1,8 Km	DTL	Xã Đắc Nang	0,50
13	Kè chống sạt lở mương tiêu thôn Phú Tân 0,9 Km	DTL	Xã Đắc Nang	0,25
14	Tuyến mương thoát úng từ nhà ông Lê Văn đến nhà ông Thái Văn Tài	DTL	Xã Đắc Nang	0,15
15	Trạm cấp nước sạch	DTL	Xã Đức Xuyên	0,18
16	Xây dựng hồ chứa Bon Choih trong khu vực tái định canh	DTL	Xã Đức Xuyên	6,00
17	Xây dựng hệ thống kênh nhánh tại cánh đồng A, B Bon Choih và cánh đồng Đắc Pri	DTL	Xã Đức Xuyên	0,60
18	Kè chống sạt lở Đắc Rí	DTL	Xã Đức Xuyên	2,00
19	Kênh tiêu xã Đức Xuyên	DTL	Xã Đức Xuyên	1,50
20	Mở mới kênh tưới nội đồng Đắc Rí	DTL	Xã Đức Xuyên	1,00
21	Mở mới kênh tưới Bon Choih	DTL	Xã Đức Xuyên	0,50
22	Dự án trạm xử lý và cung cấp nước sinh hoạt	DTL	Xã Nam Đà	0,11
23	Hệ thống xử lý nước thải chợ xã	DTL	Xã Nam Đà	0,40
24	Rãnh thoát nước tại hạ lưu cống Km số 281+550 và Km số 281+945 Quốc lộ 28 (Đoạn qua địa bàn xã Nam N'Đir)	DTL	Xã Nam N'Đir	0,20
25	Kè bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô	DTL	Xã Nam N'Đir	6,50
26	Nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu cánh đồng Đắc Rền xã Nam N'Đir	DTL	Xã Nam N'Đir	2,20
27	Kênh nhánh cánh đồng Đắc Rền	DTL	Xã Nam N'Đir	1,20
28	Rãnh thoát nước hạ lưu Cống ngang thuộc Km 16+200, tuyến đường huyện ĐH57	DTL	Xã Nam N'Đir	0,05
28	Đập thủy lợi (32)	DTL	Xã Nam N'Đir	5,00
29	Hồ 34	DTL	Xã Nam N'Đir	26,91
30	Xây dựng hồ Đắc Đruk	DTL	Xã Nam N'Đir	3,10
31	Hồ Nam Xuân 1	DTL	Xã Tân Thành	5,53
32	Hồ Đắc Hoa	DTL	Xã Tân Thành	2,00
32	Đập Đắc Pri	DTL	Xã Tân Thành	5,00
33	Hồ Đắc Rô 3	DTL	Xã Tân Thành	7,51
34	Hồ Đắc Na	DTL	Xã Nam Nung; xã Tân Thành	95,00
35	Hồ Đắc Rô	DTL	Xã Tân Thành	2,23

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
36	Hồ Đắc Ri 2	DTL	Xã Tân Thành	10,00
37	Hồ Đắc R'Po	DTL	Xã Tân Thành	45,16
37	Xây dựng Hồ thôn Đắc Na	DTL	Xã Tân Thành	2,00
8.3	Đất văn hóa	DVH		6,34
1	Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông huyện	DVH	Thị trấn Đắc Mâm	2,10
2	Quy hoạch đất văn hóa theo Quy hoạch chung thị trấn Đắc Mâm	DVH	Thị trấn Đắc Mâm	1,16
3	Nhà văn hóa xã	DVH	Xã Buôn Choah	0,20
4	Nhà văn hóa xã	DVH	Xã Đắc Nang	0,34
5	Đài truyền thanh xã	DVH	Xã Đắc Nang	0,10
6	Trung tâm thông tin công viên địa chất	DVH	Xã Đắc Sôr	0,50
6	Nhà văn hóa xã	DVH	Xã Nam Đà	0,81
7	Nhà văn hóa xã	DVH	Xã Nam Nung	0,43
8	Nhà truyền thông cho đồng bào dân tộc tại chỗ (Lấy đất trường MN Hoa Pơ Lang)	DVH	Xã Nam Nung	0,24
9	Quy hoạch Đài tưởng niệm (Đất Lâm trường Năm Nung trả về)	DVH	Xã Nam Nung	0,25
10	Nhà văn hoá xã	DVH	Xã Quảng Phú	0,22
8.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT		3,36
1	Quy hoạch đất y tế theo Quy hoạch Trung tâm thị	DYT	Thị trấn Đắc Mâm	2,55
1	Trạm y tế xã Buôn Choah (Bố trí vị trí mới)	DYT	Xã Buôn Choah	0,20
2	Mở rộng trạm y tế xã	DYT	Xã Đắc Nang	0,13
3	Trạm y tế xã	DYT	Xã Đắc Sôr	0,22
4	Mở rộng trạm y tế xã Nam Nđir	DYT	Xã Nam N'Đir	0,04
5	Trạm y tế xã Nam Nung	DYT	Xã Nam Nung	0,22
8.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD		12,61
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe hạng 3	DGD	Thị trấn Đắc Mâm	1,70
2	Mở rộng trường mầm non Anh Đào	DGD	Thị trấn Đắc Mâm	0,20
3	Quy hoạch đất giáo dục (Trong Quy hoạch trung tâm Thị trấn Đắc Mâm)	DGD	Thị trấn Đắc Mâm	3,27
4	Mở rộng trường trung học cơ sở tại xã Xã Đắc Drô (Mở rộng vào trạm y tế cũ)	DGD	Xã Đắc Drô	0,12
5	Mở rộng diện tích trường THCS Đắc Nang	DGD	Xã Đắc Nang	0,30
6	Mở rộng trường mầm non Hoa Mai	DGD	Xã Đắc Sôr	0,02
7	Mở rộng phân hiệu trường tiểu học Nguyễn Văn Bé	DGD	Xã Đức Xuyên	0,12
7	Quy hoạch đất giáo dục (QH TT xã)	DGD	Xã Nam Đà	3,00

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
8	Mở rộng trường mầm non Sơn Ca	DGD	Xã Nam Đà	0,10
9	Trường mầm non Hoa Ban (Điểm lẻ thôn Nam	DGD	Xã Nam N'Đir	0,20
10	Trường Trung học phổ thông (Trung tâm xã)	DGD	Xã Nam Nung	2,00
11	Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn (Thôn mới Phú Hòa)	DGD	Xã Quảng Phú	1,00
12	Mở rộng trường mầm non Hoàng Anh	DGD	Xã Quảng Phú	0,15
12	Bố trí điểm trường mầm non tại thôn Phú Sơn	DGD	Xã Quảng Phú	0,10
13	Bố trí điểm trường mầm non tại thôn Phú Vinh	DGD	Xã Quảng Phú	0,12
14	Bố trí điểm trường mầm non tại thôn Phú Hòa	DGD	Xã Quảng Phú	0,20
8.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT		9,61
1	Sân vận động, nhà thi đấu đa năng huyện	DTT	Thị trấn Đăk Mâm	2,00
2	Sân thể thao trung tâm xã	DTT	Xã Đăk Drô	1,60
3	Sân thể thao trung tâm xã	DTT	Xã Đăk Nang	1,00
4	Sân thể thao thôn Phú Tiến	DTT	Xã Đăk Nang	0,10
5	Sân Thể thao tư nhân	DTT	Xã Đăk Nang	0,11
6	Sân thể thao thôn Đức Lập	DTT	Xã Đăk Sôr	0,70
7	Sân vận động xã (Khu Trung tâm xã)	DTT	Xã Đức Xuyên	0,80
8	Sân thể thao thôn Nam Tân	DTT	Xã Nam Đà	0,10
9	Sân vận động xã, nhà thi đấu đa năng	DTT	Xã Nam Xuân	1,00
10	Sân thể thao thôn Đăk Hưng	DTT	Xã Nam Xuân	0,20
11	Sân thể thao trung tâm xã (quy hoạch vị trí mới)	DTT	Xã Nam N'Đir	1,00
12	Sân thể thao trung tâm xã	DTT	Xã Quảng Phú	1,00
8.7	Đất công trình năng lượng	DNL		486,00
1	Đường dây và TBA 110/22kv Krông Nô	DNL	Xã Đăk Sôr, xã Nam Đà, xã Đăk Drô	1,18
2	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện, lị, thị xã thuộc tỉnh Đăk Nông (Địa bàn huyện Krông Nô)	DNL	Thị trấn Đăk Mâm, xã Nam Xuân, xã Nam Nung, xã Tân Thành, xã Đăk Sôr, xã Nam Đà, xã Đăk Drô, xã Nam N'Đir	0,25
3	Hoàn thiện lưới điện trung áp 110 KV Krông Nô	DNL	Thị trấn Đăk Mâm, xã Nam Xuân, xã Tân Thành, xã Đăk Sôr, xã Quảng Phú	0,10
4	Tuyến đường dây 110Kv Krông Nô - Quảng Sơn	DNL	Các xã, thị trấn	0,40
5	Tuyến đường dây 110Kv 110Kv Krông Nô - Đăk	DNL	Các xã, thị trấn	0,50
6	Thủy điện Nam Long	DNL	Xã Đức Xuyên, xã Nam N'Đir	23,07
7	Đường dây và trạm biến áp thủy điện Nam Long	DNL	Xã Nam N'Đir; xã Đăk Drô	0,12

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
8	Nhà máy điện mặt trời Krông Nô 2	DNL	Xã Buôn Choah	20,00
9	Nhà máy điện mặt trời Buôn Choah	DNL	Xã Buôn Choah	174,00
10	Nhà máy điện mặt trời Krông Nô 1	DNL	Xã Đăk Drô	24,00
11	Dự án nhà máy điện mặt trời Xuyên Hà	DNL	Xã Đức Xuyên	148,70
12	Thủy điện Đăk Sôr 2	DNL	Xã Nam Xuân	5,70
13	Thủy điện Đăk Sôr 4	DNL	Xã Nam Xuân	19,98
14	Quy hoạch đất Năng Lương	DNL	Xã Nam Xuân	0,70
15	Thủy điện Chư Pông Krông	DNL	Xã Quảng Phú	0,30
16	Nhà máy điện mặt trời Quảng Phú	DNL	Xã Quảng Phú	60,00
17	Dự án điện mặt trời nổi KN Buôn Tua Sar	DNL	Xã Quảng Phú	7,00
8.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV		1,03
1	Trạm BTS	DBV	Thị trấn Đăk Mâm	0,04
1	Đất bưu chính viễn thông theo quy hoạch Trung tâm thị trấn	DBV	Thị trấn Đăk Mâm	0,60
2	Trạm BTS	DBV	Xã Đăk Drô	0,10
3	Bưu điện xã Đăk Drô	DBV	Xã Đăk Drô	0,05
4	Bưu điện xã Đăk Nang	DBV	Xã Đăk Nang	0,07
5	Bưu điện xã Đăk Sôr	DBV	Xã Đăk Sôr	0,03
6	Bưu điện xã Nam Đà	DBV	Xã Nam Đà	0,10
7	Bưu điện xã Quảng Phú	DBV	Xã Quảng Phú	0,04
8.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		31,30
1	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi và sửa chữa Khu di tích lịch sử B4, liên tỉnh IV Nâm Nung	DDT	Xã Nâm Nung	15,70

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
2	Quy hoạch Cụm di tích N'Trang Gur	DDT	Xã Buôn Choah	15,00
3	Khu di tích N'Trang Gurh (Khu mộ)	DDT	Xã Buôn Choah	0,60
8.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		13,00
1	Mở rộng bãi rác	DRA	Thị trấn Đắk Mâm	5,00
2	Khu xử lý nước thải	DRA	Thị trấn Đắk Mâm	2,00
3	Bãi chôn lấp chất thải rắn	DRA	Xã Buôn Choah	1,00
4	Bãi rác xã	DRA	Xã Đức Xuyên	4,00
5	Bãi chôn lấp chất thải rắn	DRA	Xã Quảng Phú	1,00
8.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON		4,16
1	Đất tôn giáo thị trấn Đắk Mâm	TON	Thị trấn Đắk Mâm	0,50
2	Đất tôn giáo xã Đắk Nang	TON	Xã Đắk Nang	1,02
3	Đất tôn giáo xã Đức Xuyên	TON	Xã Đức Xuyên	0,50
4	Đất tôn giáo xã Nâm N'Dir	TON	Xã Nâm N'Dir	0,56
5	Đất tôn giáo tại xã Nâm Nung	TON	Xã Nâm Nung	1,00
6	Đất tôn giáo tại xã Tân Thành	TON	Xã Tân Thành	0,58
8.12	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		17,22
1	Nghĩa địa trung tâm	NTD	Xã Đắk Drô	3,20
2	Xây dựng mới nghĩa trang thôn Phú Tiến	NTD	Xã Đắk Nang	2,00
3	Mở rộng nghĩa địa xã	NTD	Xã Đắk Nang	3,00
4	Mở rộng nghĩa trang xã	NTD	Xã Đức Xuyên	1,82
5	Mở rộng nghĩa địa Bon Choih	NTD	Xã Đức Xuyên	0,50
6	Mở rộng đất nghĩa trang xã	NTD	Xã Nam Đà	0,50
7	Nghĩa địa thôn Đắk Hưng	NTD	Xã Nam Xuân	0,40
8	Nghĩa địa thôn mới Phú Hòa	NTD	Xã Quảng Phú	2,00
9	Nghĩa địa thôn mới Phú Vinh	NTD	Xã Quảng Phú	1,50
10	Mở rộng nghĩa địa trung tâm xã (Nghĩa địa thôn Đắk Rô)	NTD	Xã Tân Thành	1,30
11	Nghĩa địa thôn Đắk Na, Đắk Rì	NTD	Xã Tân Thành	1,00
8.13	Đất chợ	DCH		2,96
1	Chợ xã Buôn Choah	DCH	Xã Buôn Choah	0,40
2	Chợ xã	DCH	Xã Đắk Nang	0,67
3	Chợ Đức Xuyên (Khu Trung tâm xã)	DCH	Xã Đức Xuyên	0,69
4	Chợ xã Nam Xuân	DCH	Xã Nam Xuân	0,35
5	Chợ trung xã Nâm Nung	DCH	Xã Nâm Nung	0,60
6	Chợ trung tâm xã (Thôn Đắk Hoa)	DCH	Xã Tân Thành	0,25
IX	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
X	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		4,20
1	Hội trường thôn Ninh Giang	DSH	Xã Buôn Choah	0,33

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
2	Đất sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn xã Đắk Drô	DSH	Xã Đắk Drô	0,52
2.1	Hội trường thôn Đắk Tâm	DSH	Xã Đắk Drô	0,02
2.2	Hội trường thôn K62	DSH	Xã Đắk Drô	0,50
3	Đất sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn xã Đắk Nang	DSH	Xã Đắk Nang	0,13
3.1	Hội trường thôn thôn Phú Tiến	DSH	Xã Đắk Nang	0,05
3.2	Hội trường thôn Phú Cường	DSH	Xã Đắk Nang	0,08
4	Hội trường thôn Đắk Thành	DSH	Xã Đắk Sôr	0,15
5	Đất sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn xã Đức Xuyên	DSH	Xã Đức Xuyên	0,42
5.1	Hội trường thôn Xuyên Hà	DSH	Xã Đức Xuyên	0,05
5.2	Nhà sinh hoạt công đồng Bon Choih	DSH	Xã Đức Xuyên	0,09
5.3	Mở rộng nhà sinh hoạt công đồng thôn Xuyên Tân	DSH	Xã Đức Xuyên	0,03
5.4	Mở rộng nhà sinh hoạt công đồng thôn Xuyên Phước	DSH	Xã Đức Xuyên	0,05
5.5	Hội trường thôn Xuyên Hải (Khu Trung tâm xã)	DSH	Xã Đức Xuyên	0,05
5.6	Hội trường thôn Xuyên Nghĩa	DSH	Xã Đức Xuyên	0,10
5.7	Hội trường thôn Xuyên An	DSH	Xã Đức Xuyên	0,05
6	Đất sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn Nam Đà	DSH	Xã Nam Đà	0,85
6.1	Nhà sinh hoạt thôn Nam Hiệp	DSH	Xã Nam Đà	0,05
6.2	Nhà sinh hoạt thôn Nam Hà	DSH	Xã Nam Đà	0,05
6.3	Hội trường thôn Nam Nghĩa	DSH	Xã Nam Đà	0,15
6.4	Mở rộng hội trường thôn Nam Xuân	DSH	Xã Nam Đà	0,05
6.5	Hội trường thôn Nam Thanh	DSH	Xã Nam Đà	0,05
6.6	Hội trường Thôn Nam Sơn (lấy diện tích đất nhà văn hóa xã)	DSH	Xã Nam Đà	0,50
7	Đất sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn Nam Xuân	DSH	Xã Nam Xuân	0,63
7.1	Hội trường thôn Đắk Thanh	DSH	Xã Nam Xuân	0,15
7.2	Hội trường thôn Đắk Hưng	DSH	Xã Nam Xuân	0,13
7.3	Hội trường thôn Sơn Hà	DSH	Xã Nam Xuân	0,10
7.4	Hội trường thôn Đắk Sơn	DSH	Xã Nam Xuân	0,15
7.5	Hội trường thôn Lương Sơn	DSH	Xã Nam Xuân	0,10
8	Đất sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn Năm Nung	DSH	Xã Năm Nung	0,30
8.1	Hội trường thôn Nam Tiến	DSH	Xã Năm Nung	0,15
8.2	Hội trường thôn Bon RCập	DSH	Xã Năm Nung	0,15
9	Đất sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn Quảng Phú	DSH	Xã Quảng Phú	0,48
9.1	Hội trường thôn Phú Vinh	DSH	Xã Quảng Phú	0,24
9.2	Hội trường thôn Phú Hòa	DSH	Xã Quảng Phú	0,05
9.3	Hội trường thôn Phú Hưng	DSH	Xã Quảng Phú	0,07
9.4	Hội trường thôn Phú Sơn	DSH	Xã Quảng Phú	0,07
9.5	Hội trường thôn Phú Trung	DSH	Xã Quảng Phú	0,02
9.6	Hội trường thôn Phú Thuận	DSH	Xã Quảng Phú	0,02

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
10	Đất sinh hoạt cộng đồng các thôn, buôn Tân Thành	DSH	Xã Tân Thành	0,40
10.1	Hội trường thôn Đắc Hoa	DSH	Xã Tân Thành	0,20
10.2	Hội trường thôn Đắc Tân	DSH	Xã Tân Thành	0,10
10.3	Hội trường thôn Đắc Lưu	DSH	Xã Tân Thành	0,10
XI	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV		33,88
1	Hoa viên, công viên cây xanh (Trong Quy hoạch trung tâm Thị trấn Đắc Mâm)	DKV	Thị trấn Đắc Mâm	10,00
2	Khuôn viên cây xanh	DKV	Xã Đắc Drô	1,76
3	Công viên cây xanh (thuộc Quy hoạch trung tâm xã)	DKV	Xã Đắc Nang	1,50
4	Cây xanh cách ly (thuộc Quy hoạch trung tâm xã)	DKV	Xã Đắc Nang	1,50
5	Đất cây xanh thể dục thể thao	DKV	Xã Đức Xuyên	0,18
6	Cây xanh cách ly (thuộc Quy hoạch trung tâm xã)	DKV	Xã Đức Xuyên	1,00
7	Đất cây xanh hoa viên, hành lang cách ly (Quy hoạch trung tâm xã)	DKV	Xã Nam Đà	15,00
8	Công viên, cây xanh trung tâm xã	DKV	Xã Nam N'Đir	0,50
9	Hoa viên xã Nam Nung (Khu trung tâm)	DKV	Xã Nam Nung	2,00
10	Hoa viên, khu vui chơi xã Nam Nung (Trụ sở)	DKV	Xã Nam Nung	0,44
XII	Đất ở tại nông thôn	ONT		120,38
1	Dự án ổn định dân DCTD vùng ngập lụt xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	ONT	Xã Buôn Choah	5,00
2	Quy hoạch đất ở nông thôn trên địa bàn xã	ONT	Xã Buôn Choah	6,00
3	Chuyển mục đích đất trạm y tế cũ tại Buôn K62	ONT	Xã Đắc Drô	0,10
4	Mở rộng khu dân cư các thôn, buôn trên địa bàn xã	ONT	Xã Đắc Drô	8,50
4.1	Mở rộng khu dân cư theo tuyến ĐH 63 đi xã Xã Tân Thành	ONT	Xã Đắc Drô	1,50
4.2	Mở rộng khu dân cư theo tuyến Quốc lộ 28	ONT	Xã Đắc Drô	1,50
4.3	Mở rộng khu dân cư theo tuyến đường đi xã Nam Nung	ONT	Xã Đắc Drô	1,50
4.4	Đất ở mới còn lại trong xã	ONT	Xã Đắc Drô	4,00
5	Chuyển mục đích đất Hội trường thôn Phú Mỹ cũ tại Buôn Kruế	ONT	Xã Đắc Nang	0,02
6	Xây dựng khu dân cư trong trung tâm xã Đắc Nang	ONT	Xã Đắc Nang	5,00
7	Mở rộng khu dân cư các thôn, buôn trên địa bàn xã	ONT	Xã Đắc Nang	5,00
7.1	Đất khu dân cư thôn Phú Mỹ; Phú Thịnh; Phú Lợi (Liên thôn 327); đôi Tiền Giang; đôi Phú Tiến; Buôn Kruế	ONT	Xã Đắc Nang	4,00
7.2	Quy hoạch khu dân cư Mông - Sán Chỉ	ONT	Xã Đắc Nang	1,00
8	Quy hoạch hội trường thôn Đắc Thành sang đất ở	ONT	Xã Đắc Sôr	0,03
9	Chuyển đôi trường mầm non Hoa Mai cũ (Thôn Đức Lập) sang đất ở	ONT	Xã Đắc Sôr	0,17
10	Mở rộng khu dân cư các thôn, buôn trên địa bàn xã	ONT	Xã Đắc Sôr	7,00
10.1	Mở rộng khu dân cư thôn Đức Lập	ONT	Xã Đắc Sôr	1,00
10.2	Mở rộng khu dân cư thôn Quảng Hà	ONT	Xã Đắc Sôr	1,00
10.3	Mở rộng khu dân cư thôn Nam Cao	ONT	Xã Đắc Sôr	1,00
10.4	Mở rộng khu dân cư thôn Đắc Cao	ONT	Xã Đắc Sôr	1,00
10.5	Mở rộng khu dân cư thôn Đắc Trung	ONT	Xã Đắc Sôr	1,00
10.6	Mở rộng khu dân cư thôn Đắc Thành	ONT	Xã Đắc Sôr	1,00

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
10.7	Mở rộng khu dân cư thôn Quảng Đà	ONT	Xã Đăk Sôr	1,00
11	Khu dân cư thôn dọc tuyến Quốc Lộ 28 (Trừ khu trung tâm xã)	ONT	Xã Đức Xuyên	1,50
12	Mở rộng khu dân cư dọc các tuyến giao thông trục	ONT	Xã Đức Xuyên	2,00
13	Khu dân cư trung tâm xã	ONT	Xã Đức Xuyên	7,00
14	Mở rộng khu dân cư các thôn, buôn trên địa bàn xã	ONT	Xã Nam Đà	5,00
14.1	Khu dân cư thôn Nam Thuận	ONT	Xã Nam Đà	1,00
14.2	Khu dân cư thôn Nam Nghĩa	ONT	Xã Nam Đà	1,00
14.3	Khu dân cư thôn Nam Tân	ONT	Xã Nam Đà	1,00
14.4	Khu dân cư thôn Nam Hải	ONT	Xã Nam Đà	1,00
14.5	Khu dân cư thôn Nam Thanh	ONT	Xã Nam Đà	1,00
14.6	Khu dân cư thôn Nam Xuân	ONT	Xã Nam Đà	1,00
14.7	Khu dân cư thôn Nam Thắng	ONT	Xã Nam Đà	1,00
15	Quy hoạch đất ở Trung tâm xã (Quy hoạch TT xã)	ONT	Xã Nam Đà	8,00
16	Chuyển mục đích, đấu giá Quyền sử dụng đất ở tại n	ONT	Xã Nam Đà	0,20
17	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn	ONT	Xã Nam Xuân	1,50
18	Chuyển mục đích đất sinh hoạt cộng đồng qua đất ở	ONT	Xã Nam Xuân	0,28
19	Mở rộng khu dân cư các thôn trên địa bàn xã	ONT	Xã Nam Xuân	10,00
19.1	Mở rộng khu dân cư thôn Đăk Hưng	ONT	Xã Nam Xuân	2,00
19.2	Khu dân cư thôn Đăk Thanh	ONT	Xã Nam Xuân	1,50
19.3	Khu dân cư thôn Đăk Tân	ONT	Xã Nam Xuân	1,80
19.4	Khu dân cư thôn Thanh Sơn	ONT	Xã Nam Xuân	1,50
19.5	Khu dân cư thôn Sơn Hà	ONT	Xã Nam Xuân	1,70
19.6	Khu dân cư thôn Lương Sơn	ONT	Xã Nam Xuân	1,50
20	Chuyển mục đích sử dụng đấu giá đất ở tại xã Năm N'Đir	ONT	Xã Năm N'Đir	0,65
21	Quy hoạch mở rộng các khu dân cư trên địa bàn xã	ONT	Xã Năm N'Đir	8,00
21.1	Khu dân cư thôn Nam Dao	ONT	Xã Năm N'Đir	1,00
21.2	Khu dân cư thôn Quảng Hà	ONT	Xã Năm N'Đir	1,00
21.3	Khu dân cư thôn Nam Hà	ONT	Xã Năm N'Đir	1,00
21.4	Khu dân cư bon Đăk R'ri	ONT	Xã Năm N'Đir	1,00
21.5	Khu dân cư thôn Nam Tân	ONT	Xã Năm N'Đir	1,00
21.6	Khu dân cư thôn Nam Ninh	ONT	Xã Năm N'Đir	1,00
21.7	Khu dân cư thôn Nam Thanh	ONT	Xã Năm N'Đir	1,00
21.8	Khu dân cư thôn Nam Xuân	ONT	Xã Năm N'Đir	1,00
22	Quy hoạch đất ở khu dân cư trung tâm xã	ONT	Xã Năm Nung	5,00
23	Khu dân cư các thôn trên địa bàn xã	ONT	Xã Năm Nung	5,00
24	Chuyển mục đích trạm y tế cũ xã Năm Nung	ONT	Xã Năm Nung	0,07
25	Chuyển mục đích từ đất văn hóa sang đất ở (đất đài tưởng niệm cũ)	ONT	Xã Năm Nung	0,09
26	Chuyển mục đích đất tại thôn Phú Hưng sang đất ở, đấu giá Quyền sử dụng đất	ONT	Xã Quảng Phú	0,66
27	Chuyển mục đích sử dụng đấu giá đất ở tại xã Quảng Phú	ONT	Xã Quảng Phú	1,40
28	Chuyển mục đích trụ sở lâm trường Quảng Đức sang đất ở, đấu giá Quyền sử dụng đất	ONT	Xã Quảng Phú	0,50
29	Dự án Ôn định dân di cư tự do xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (Điểm dân cư số 1; 2; 3)	ONT	Xã Quảng Phú	8,00

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
30	Khu dân cư dọc theo QL 28 và khép kín các khu dân cư hiện hữu	ONT	Xã Quảng Phú	2,50
31	Đất ở các khu dân cư còn lại	ONT	Xã Quảng Phú	1,50
32	Chuyển mục đất trường Ngô Gia Tự tại thôn Đắc Na, đấu giá Quyền sử dụng đất	ONT	Xã Tân Thành	0,06
33	Quy hoạch đất ở khu dân cư Rừng Tách	ONT	Xã Tân Thành	1,80
34	Mở rộng khu dân cư các thôn, buôn trên địa bàn xã	ONT	Xã Tân Thành	7,60
34.1	Quy hoạch Khu dân cư thôn Đắc Lưu	ONT	Xã Tân Thành	1,30
34.2	Quy hoạch Khu dân cư thôn Đắc Hoa	ONT	Xã Tân Thành	1,20
34.3	Quy hoạch Khu dân cư thôn Đắc Rô	ONT	Xã Tân Thành	1,20
34.4	Quy hoạch Khu dân cư thôn Đắc Ri	ONT	Xã Tân Thành	1,30
34.5	Quy hoạch Khu dân cư thôn Đắc Na	ONT	Xã Tân Thành	1,30
34.6	Quy hoạch Khu dân cư thôn Đắc Tân	ONT	Xã Tân Thành	1,30
35	Giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân không thông qua đấu giá Quyền sử dụng đất	ONT	Các xã	3,24
XIII	Đất ở tại đô thị	ODT		47,15
1	Đất ở mới trong Quy hoạch trung tâm thị trấn	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	28,85
2	Khu phố thương mại	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	2,25
3	Chuyển mục đích Hội trường tổ dân phố 3 sang đất ở đô thị (Do xác nhập TDP), đấu giá Quyền sử dụng	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	0,05
4	Mở rộng khu dân cư các tổ dân phố, thôn, bon trên địa bàn thị trấn	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	15,00
4.1	Mở rộng khu dân cư tổ dân phố 3 (Phần nằm ngoài Quy hoạch trung tâm thị trấn)	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	2,00
4.2	Mở rộng khu dân cư tổ dân phố 1 (Phần nằm ngoài Quy hoạch trung tâm thị trấn)	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	2,00
4.3	Mở rộng khu dân cư tổ dân phố 2 (Phần nằm ngoài Quy hoạch trung tâm thị trấn)	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	2,00
4.4	Mở rộng khu dân cư tổ dân phố 4 (Phần nằm ngoài Quy hoạch trung tâm thị trấn)	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	2,00
4.5	Mở rộng khu dân cư thôn Đắc Hà	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	1,50
4.6	Mở rộng khu dân cư thôn Đắc Vượng	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	1,50
4.7	Mở rộng khu dân cư Bon Dru	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	1,50
4.8	Mở rộng khu dân cư bon Yok Linh	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	1,50
4.9	Mở rộng khu dân cư bon Broih	ODT	Thị trấn Đắc Mâm	1,00
5	Giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân không thông qua đấu giá Quyền sử dụng đất	ODT	Các xã	1,00
XIV	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		13,76
1	Mở rộng trụ sở UBND Thị trấn Đắc Mâm	TSC	Thị trấn Đắc Mâm	0,03
1	Đất trụ sở cơ quan trên địa bàn thị trấn Đắc Mâm	TSC	Thị trấn Đắc Mâm	6,00
2	Xây dựng trụ sở UBND xã Đắc Nang	TSC	Xã Đắc Nang	1,03

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
3	Xây dựng trụ sở UBND xã Nam Đà	TSC	Xã Nam Đà	1,20
4	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Các xã	5,50
4.1	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Buôn Choah	0,50
4.2	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Đăk Drô	0,50
4.3	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Đăk Sôr	0,50
4.4	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Đức Xuyên	0,50
4.5	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Nam Đà	1,00
4.6	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Nam Xuân	0,50
4.7	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Nam N'Dir	0,50
4.8	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Nam Nung	0,50
4.9	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Quảng Phú	0,50
4.10	Quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Xã Tân Thành	0,50
XV	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		1,43
1	Bảo hiểm xã hội	DTS	Thị trấn Đăk Mâm	0,12
2	Đất công trình dự trữ (Trong Quy hoạch trung tâm Thị trấn Đăk Mâm)	DTS	Thị trấn Đăk Mâm	1,21
3	Đài phát thanh	DTS	Xã Đức Xuyên	0,02
4	Trạm kiểm lâm Nam N'Dir	DTS	Xã Nam N'Dir	0,05
5	Nhà vận hành đội quản lý tổng hợp điện xã Quảng Phú	DTS	Xã Quảng Phú	0,03
XVI	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		58,50
1	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Thị trấn Đăk Mâm	1,00
2	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Buôn Choah	1,00
3	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Đăk Drô	2,00
4	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Đăk Nang	5,00
5	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Đăk Sôr	1,00
6	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Đức Xuyên	7,50
7	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Nam Đà	1,50
8	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Nam Xuân	1,50
9	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Nam N'Dir	2,50
10	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Nam Nung	2,50
11	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Quảng Phú	20,00
12	Quy hoạch đất phi nông nghiệp khác	PNK	Xã Tân Thành	10,00
C	ĐẤT KHU DU LỊCH	KDL		2.055,00
1	Khai thác du lịch từ núi nửa, hang động (Hang núi nửa C6.1 và C7, dự kiến kêu gọi đầu tư)	KDL	Xã Nam Đà	800,00
2	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Ea Snô	KDL	Xã Đăk Drô	120,00
3	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bon K62	KDL	Xã Đăk Drô	38,50
4	Cụm di tích N'Trang Gur	DDT	Xã Buôn Choah	28,00
5	Trang trại Nông nghiệp Du lịch Đam San; Nông nghiệp công nghệ cao Nam Ka	'NKH	Xã Buôn Choah	86,00
6	Quy hoạch điểm du lịch sinh thái tại Hồ Đăk Nang	KDL	Xã Đăk Nang	50,00

STT	Hạng mục	Mã QH	Địa điểm	Diện tích (ha)
			(xã, thị trấn)	
7	Khu du lịch thác Dray Sáp - Gia Long	KDL	Xã Đăk Sôr	200,00
8	Mô hình mô phỏng hệ thống hang động núi lửa và cộng đồng các dân tộc anh em huyện Krông Nô (kết hợp dưới tán rừng)	KDL	Xã Đăk Sôr	1,50
9	Khu du lịch sinh thái suối nước trong	KDL	Xã Nam Đà	135,00
10	Quy hoạch khu du lịch thôn Đăk Hưng, Lương Sơn	KDL	Xã Nam Xuân	10,00
11	Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan khu cánh đồng 24 xã Nâm N'Đir	KDL	Xã Nâm N'Đir	135,00
12	Điểm dừng chân và nghỉ dưỡng ngắm cảnh quan Hồ sen Km 34 xã Nâm N'Đir	KDL	Xã Nâm N'Đir	20,00
13	Dự án Highland Lotus	KDL	Xã Nâm N'Đir	20,00
14	Khu di tích lịch sử B4, liên tỉnh IV Nâm Nung	DDT	Xã Nâm Nung	16,00
15	Khu du lịch sinh thái hồ thủy điện Buôn Tua Srah	KDL	Xã Quảng Phú	368,00
16	Đất phục vụ du lịch đèo 52 (Núi lửa Nam Kar)	KDL	Xã Quảng Phú	27,00
D	ĐẤT QUY HOẠCH KHU ĐÔ THỊ, TRUNG TÂM CÁC XÃ	TT		368,20
1	Khu đô thị phía Tây Nam hồ Thị trấn Đăk Mâm	DTC	Thị trấn Đăk Mâm	13,20
2	Khu đô thị mới phía Đông Nam cánh đồng La Trao	DTC	Thị trấn Đăk Mâm	10,00
3	Quy hoạch khu trung tâm cụm xã Buôn Choah	DNT	Xã Buôn Choah	30,00
4	Quy hoạch khu trung tâm xã Đăk Sôr	DNT	Xã Đăk Sôr	45,00
5	Quy hoạch khu trung tâm xã Nam Đà	DNT	Xã Nam Đà	90,00
6	Quy hoạch trung tâm xã Nam Xuân	DNT	Xã Nam Xuân	50,00
7	Quy hoạch khu trung tâm cụm xã	DNT	Xã Nâm N'Đir	50,00
8	Quy hoạch khu trung tâm cụm xã Quảng Phú	DNT	Xã Quảng Phú	30,00
9	Quy hoạch khu trung tâm cụm xã Tân Thành	DNT	Xã Tân Thành	50,00